Chi tiết mã HS 7507.20.00

Mã HS	7507.20.00
Mô tả hàng hóa	Các loại ống, ống dẫn và các phụ kiện để ghép nối của ống hoặc ống dẫn bằng niken (ví dụ, khớp nối đôi, khuỷu, măng sông) / - Phụ kiện để ghép nối của ống hoặc ống dẫn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 10:14:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/75072000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12163
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12163
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12163
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12163
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11506
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11449
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11449
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11449
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11449
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11449
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11449
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11501
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11501
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11501

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11501
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11501
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11501
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11502
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11502
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11502
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11502
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11502
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11502
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11505
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11455
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11461
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11461
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11461
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11461
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11461
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11461
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11494
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11494
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11494
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11494
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11494
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11494
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11539
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11539
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11539

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11539
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11539
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11539
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D11524
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E11524
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F11524
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G11524
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H11524
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I11524
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11524
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11524
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11524
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11524
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11524
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11524
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11541
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11541
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11541
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11541
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11541
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11541
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11540
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11540
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11540
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11540
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11540

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11540
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11487
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11487
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11487
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11487
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11487
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11487
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11487
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11524
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11524
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11524
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11524
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11524
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11524
RCEP B	2022	2022	0	B!D11524
RCEP B	2023	2023	0	B!E11524
RCEP B	2024	2024	0	B!F11524
RCEP B	2025	2025	0	B!G11524
RCEP B	2026	2026	0	B!H11524
RCEP B	2027	2027	0	B!I11524
RCEP C	2022	2022	0	C!D11524
RCEP C	2023	2023	0	C!E11524
RCEP C	2024	2024	0	C!F11524
RCEP C	2025	2025	0	C!G11524
RCEP C	2026	2026	0	C!H11524
RCEP C	2027	2027	0	C!I11524

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D11523
RCEP D	2023	2023	0	D!E11523
RCEP D	2024	2024	0	D!F11523
RCEP D	2025	2025	0	D!G11523
RCEP D	2026	2026	0	D!H11523
RCEP D	2027	2027	0	D!I11523
RCEP E	2022	2022	0	E!D11527
RCEP E	2023	2023	0	E!E11527
RCEP E	2024	2024	0	E!F11527
RCEP E	2025	2025	0	E!G11527
RCEP E	2026	2026	0	E!H11527
RCEP E	2027	2027	0	E!I11527
RCEP F	2022	2022	0	F!D11524
RCEP F	2023	2023	0	F!E11524
RCEP F	2024	2024	0	F!F11524
RCEP F	2025	2025	0	F!G11524
RCEP F	2026	2026	0	F!H11524
RCEP F	2027	2027	0	F!I11524
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10666
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10666
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10666
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10666

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Niken > Bán thành phẩm, sản phẩm bằng đồng hoặc hợp kim đồng. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7507.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7507.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12163), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.